

TÔN GIÁO HỌC TRONG MỘT SỐ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA GIÁO SƯ ĐẶNG NGHIÊM VẠN

Tóm tắt: Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn (1930 - 2016) là người có những đóng góp quan trọng trên hai lĩnh vực nghiên cứu của khoa học xã hội và nhân văn, đó là nghiên cứu tộc người và nghiên cứu tôn giáo. Hai lĩnh vực này thể hiện rõ rệt ở hai công trình nghiên cứu tiêu biểu: *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2003 và *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam* (bốn lần xuất bản 2001, 2005, 2007, 2012). Về lĩnh vực tôn giáo, ngoài công trình kể trên với bốn lần xuất bản, Giáo sư còn có những công trình nghiên cứu hoặc độc lập, hoặc chủ biên và đồng tác giả cùng với hàng chục bài nghiên cứu tôn giáo học chuyên sâu trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* và một số tạp chí khác. Tôn giáo học trong các công trình nghiên cứu của Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn là đa dạng. Trong khuôn khổ bài viết, nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Viện Nghiên cứu Tôn giáo, chúng tôi bước đầu đề cập đến ba lĩnh vực: Xung quanh định nghĩa tôn giáo; Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam; Đạo thờ Tổ.

Từ khóa: Đặng Nghiêm Vạn; tôn giáo; Việt Nam.

1. Xung quanh định nghĩa tôn giáo

1.1. Nền tảng xây dựng định nghĩa

Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiền thân là Ban Khoa học về tôn giáo (1991) sau đổi thành Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, cuối cùng là Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Cả ba đơn vị trên Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn (sau đây gọi tắt là Giáo sư) đều đứng đầu. Năm 1999, Giáo sư là Tổng Biên tập đầu tiên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*.

* PGS.TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo giai đoạn 2007-2012.
Ngày nhận bài: 21/7/2021; Ngày biên tập: 13/8/2021; Duyệt đăng: 15/9/2021.

Nghiên cứu về tôn giáo học cho đến trước khi có Ban Khoa học về tôn giáo trên thế giới đã có những thành tựu, tiêu biểu là Max Muller (1823-1900) người được xem là đặt nền móng cho khoa học về tôn giáo. Song khoa học về tôn giáo (tôn giáo học) được hiểu là ngành nghiên cứu độc lập thì ở Việt Nam vào thời điểm lúc bấy giờ (1991) chưa được bàn đến. Vì vậy, một trong những nghiên cứu của mình, Giáo sư thấy cần thiết phải làm sáng tỏ *định nghĩa về tôn giáo*. Bởi mọi khoa học đều phải bắt đầu từ khái niệm/định nghĩa. Nếu xem nghiên cứu tôn giáo là một ngành, thì định nghĩa tôn giáo hay tôn giáo là gì, và nội hàm của nó là cánh cửa đầu tiên mở lối vào ngành này. Để mở cánh cửa này, Giáo sư một mặt tổ chức các cuộc hội thảo, tranh thủ ý kiến của các chuyên gia quyền uy lúc bấy giờ, một mặt quan trọng hơn là Giáo sư tự tìm tòi nghiên cứu. Những thành tựu nghiên cứu về tộc người, những tri thức tích lũy được khi là thực tập sinh cao cấp ở Liên Xô, dưới sự dìu dắt trực tiếp của nhà dân tộc học Tôcarép (với tác phẩm *Những hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng*, đã được dịch ra tiếng Việt). Nền tảng để Giáo sư đứng vững trên đó mở cánh cửa nghiên cứu tôn giáo là chủ nghĩa Mác - Lênin, là tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Với tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, Giáo sư đặc biệt quan tâm đến hai quan điểm thể hiện trong hai bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ viết năm 1924” và “Thăm một chiến sĩ quốc tế Cộng sản - Nguyễn Ái Quốc”. Ở bài viết thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu quan điểm “C. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà Châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn nhân loại”¹ và ở bài viết thứ hai, Người khái quát đặc điểm niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt Nam: “Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của Châu Âu. Việc cúng bái tổ tiên là một hiện tượng xã hội. Chúng tôi không có những người tư tế nào... Những người già trong gia đình hay các già làng là người thực hiện những nghi lễ tưởng niệm”². Giáo sư dựa vào hai quan điểm đó làm sở cứ cho việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam. “Ta cũng lại hiểu rằng, tôn giáo biểu hiện đa dạng tùy theo lối sống của từng dân tộc, từng quốc gia, từng khu vực”³.

Về phương diện quan điểm hay lý thuyết tiếp cận tôn giáo để từ đó có được định nghĩa về tôn giáo, có lẽ Giáo sư là một trong những học giả đầu tiên tiếp cận tôn giáo học của các học giả ngoài Mác xít, như: É. Durkheim, S. Freud, M. Weber,... Trong *Lời nói đầu* cuốn *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* do Giáo sư chủ biên có đoạn “cuốn sách đề cập rõ thêm một số lý luận hiện hành, khẳng định tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về tôn giáo vẫn là kim chỉ nam và được các nhà lý luận tiên bộ về tôn giáo, như É. Durkheim, M. Weber,... sau này phát triển”⁴. Hiện tại tiếp cận tôn giáo học của các học giả ngoài Mác là bình thường, song vào thời điểm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX không phải không có những nhà nghiên cứu quan niệm như vậy.

Để có một bức tranh tôn giáo theo Giáo sư cần thiết phải làm sáng tỏ *niềm tin hay tín ngưỡng*. Theo đó, tín ngưỡng có thể có hai nghĩa: Tự do về ý thức (Conscience), tự do về niềm tin (Croyance religieuse). Nếu hiểu là Conscience thì tín ngưỡng bao trùm tôn giáo, nếu hiểu là Croyance religieuse thì tín ngưỡng lại chỉ là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành tôn giáo. Ngoài ra Giáo sư còn dẫn cụm từ tín ngưỡng trong *từ nguyên* của Trung Quốc, Hiến pháp Trung Hoa (1992). Rồi Giáo sư bàn tiếp đến thuật ngữ tín ngưỡng dân gian, để viết tiếp: “vậy có nên phân biệt tín ngưỡng và tôn giáo như hai cấp độ cao thấp của các hình thức tôn giáo như hiện nay không? Có chăng chỉ nên phân biệt tôn giáo mang tính cộng đồng, tính xã hội và ma thuật mang tính cá thể”⁵.

Thuật ngữ tôn giáo theo từ nguyên học là một sở cứ tiếp theo để định nghĩa tôn giáo học được Giáo sư bàn đến. Theo Giáo sư, thuật ngữ *religion* bắt nguồn từ *religio*. Theo Cicéron (106-143), thuật ngữ *religion* xuất phát từ tiếng La tinh là *relegere*, có nghĩa là thu lượm sức mạnh siêu nhiên. Thuật ngữ *religion* với nội dung được xác định như trên ra đời trong bối cảnh cộng đồng quốc gia dân tộc đứng đầu là một nhà nước, được xây dựng theo những hình thức tôn giáo của mình, với những điện thần dân tộc na ná giống nhau về thế giới vô hình với những thần linh, những đối tượng nửa người, nửa thần, những ma quỷ của dân tộc... Nội dung thuật ngữ tôn giáo

(religion) thoát tiên được sử dụng từ châu Âu nhằm chỉ một tôn giáo, sau đó được dùng nhằm chỉ các hình thức tôn giáo khác nhau trên thế giới. Đến thế kỷ XVIII thuật ngữ religion được dịch ra thành *tông giáo* xuất hiện ở Nhật Bản, sau tới Trung hoa. Vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX, thuật ngữ này được gọi là *tôn giáo* (vì kỵ tên húy với vua Thiệu Trị)⁶.

Tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, xem tôn giáo là thành tố của văn hóa, từ đó Giáo sư mở rộng khái niệm văn hóa của tôn giáo (một thời gian dài, ở Việt Nam, tôn giáo học được đặt trong triết học, nghiên cứu chủ yếu là hệ tư tưởng là hữu thần/duy tâm). Đó là: “Tôn giáo đưa ra những giá trị có tính tuyệt đối làm mục đích cho con người vươn tới một cuộc sống tốt đẹp. Nội dung bản chất của bất kỳ tôn giáo nào cũng cự tuyệt với những điều ác xấu, cũng mong vươn đến cái tuyệt đối, cái Chân, Thiện, Mỹ. Đó là những ước mơ rất có thể là ảo vọng vì tính tuyệt đối của nó. Nên ở bất kỳ tôn giáo nào, trong nội dung cũng bao hàm cuộc đấu tranh giữa hai yếu tố tốt và xấu, nhằm duy trì niềm tin và ước mơ của cộng đồng, của cá nhân. Điều đó được phản ánh trong nội dung của từng hình thức tôn giáo hay tổng thể tôn giáo của một cộng đồng tùy theo tính chất của một tôn giáo là nhất thần, đa thần hay phiếm thần”⁷.

1.2. Định nghĩa tôn giáo

Từ những nền tảng đặt ra, Giáo sư đi đến *Định nghĩa về tôn giáo*: “Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách siêu thực (hay hư ảo) với con người, nhằm lý giải những vấn đề trần thế, cũng như ở thế giới bên kia. *Niềm tin* đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào *nội dung* của từng tôn giáo, được vận hành bằng những *ngghi lễ*, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội/tôn giáo khác nhau”⁸.

Nhằm tỏ tường hơn, tiếp theo *Định nghĩa về tôn giáo*, Giáo sư diễn giải thêm yếu tố *tổ chức tôn giáo*. “Tổ chức tôn giáo có vai trò rất quan trọng trong việc truyền bá, phát triển, thực hành tôn giáo. Riêng điều này có thể ngoại trừ các tôn giáo độc thần, nếu chỉ hiểu tổ chức

tôn giáo là thể chế (institutions). Có thể so sánh mà không sợ khập khiễng rằng tổ chức tôn giáo cũng không khác những tổ chức xã hội khác nhằm phục vụ một lý tưởng có một mục đích cũng thiêng liêng, nhưng thể tục, như các tổ chức chính trị, đạo đức, văn hóa, xã hội, thể thao, v.v...”⁹.

Thật bất ngờ khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo ban hành năm 2016, có hiệu lực từ ngày 1/1/2018, Điều 2. *Giải thích từ ngữ*, khoản 5, viết: “Tôn giáo là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật và quy định của tổ chức tôn giáo”. Dù đây không phải là định nghĩa và thuật ngữ tiếp cận trên phương diện pháp lý để nhìn nhận về tôn giáo nhưng cho thấy có sự tương thích giữa thuật ngữ và *Định nghĩa về tôn giáo* của Giáo sư.

1.3. Yếu tố cấu thành một hình thức tôn giáo

Để có thể đi vào luận giải yếu tố cấu thành một hình thức tôn giáo, Giáo sư bắt đầu bằng việc tiếp cận bài báo *Tháp Babel, những định nghĩa tôn giáo* của Y. Lambert, một nhà xã hội học tôn giáo người Pháp khi cho rằng một tôn giáo phải cần có ba tiêu chí tối thiểu: một hệ thống những niềm tin, những hành vi và những thể chế¹⁰. Giáo sư so sánh ba tiêu chí tối thiểu để hình thành nên tôn giáo của Y. Lambert với G. V. Plêkhanốp, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga khi Plêkhanốp “cũng cho rằng những yếu tố cấu thành một tôn giáo là một hệ thống ít nhiều được sắp đặt bởi những ý niệm hồn linh (animiste), những tình cảm và hành vi, những tư tưởng và biểu tượng hợp thành bởi những yếu tố huyền thoại. Những cảm xúc mang lại những *tình cảm tôn giáo*, những hành vi trong lĩnh vực thờ cúng, chính là các nghi thức. Và tiếp đó, G. V. Plêkhanốp cũng nhắc đến vai trò của *tổ chức*, nhưng không đặt tổ chức như một yếu tố cấu thành của tôn giáo. Y. Lambert cũng coi những thể chế (institutions) cũng chỉ mang tính xã hội”¹¹. Trên cơ sở đó Giáo sư cho rằng, một hình thức tôn giáo có yếu tố cấu thành: Niềm tin (hay tín ngưỡng); Nội dung tôn giáo; Những hành vi tôn giáo: nghi lễ; Tổ chức tôn giáo; Vấn đề niềm tin hủ tục¹².

Phần tín ngưỡng hay niềm tin tôn giáo được Giáo sư đề cập với 5 ý:

Ý thứ nhất, cần phân biệt tín ngưỡng chỉ là niềm tin tôn giáo, Giáo sư không đồng tình khi xem tín ngưỡng là bậc thấp so với tôn giáo. “Từ thừa xa xưa đến nay các hình thức tôn giáo ra đời đều gọi thống nhất là tôn giáo. Nếu có chẳng và nếu được thì chỉ có thể phân biệt giữa tô tem giáo, ma thuật, sa man với tôn giáo”¹³.

Ý thứ hai, niềm tin tôn giáo hay tín ngưỡng biểu hiện ở nhiều nền văn hóa khác nhau và rất đa dạng.

Ý thứ ba, cần phân biệt niềm tin tôn giáo (tín ngưỡng) với niềm tin trần tục.

Ý thứ tư, không phải người nào nhận thức giáo lý chắc hơn đã là người có niềm tin sâu sắc.

Ý thứ năm, tính thiêng tôn giáo còn thể hiện ở những vật thể, những lời thề, những kiêng cử đối với một người nhất định.

Phần nội dung tôn giáo

“Nói đến nội dung tôn giáo là đề cập đến giáo lý, kinh sách của tôn giáo... đến những huyền thoại, đến thế giới bên kia... đến thực thể vô hình, đến những thực thể vô hình”¹⁴.

Từ cái nhìn toát yếu, Giáo sư đi vào phân tích từng nội dung như: 1) Huyền thoại và triết lý; 2) Thế giới bên kia; 3) Những thực thể vô hình. Ở từng phần nội dung sự lý giải của Giáo sư có sự kết hợp với dân tộc học (nhân học) vốn là thế mạnh của Giáo sư với những lý luận về tôn giáo học vì vậy cho người đọc thấy được cái nhìn đa chiều do đó lý giải của Giáo sư mang tính thuyết phục cao.

Phần Những hành vi tôn giáo: Nghi lễ. Theo Giáo sư, bất kỳ một tôn giáo nào cũng đều có nghi lễ, nghi lễ liên quan đến niềm tin, giáo lý (nội dung). Cần phân biệt có hai loại nghi lễ thế tục và nghi lễ tôn giáo. Song sự phân biệt đó đối với một số nghi lễ là khó khăn bởi sự đan xen cả hai. Giáo sư phân 3 loại nghi lễ chính.

Thứ nhất: Những nghi lễ tuân thủ chu kỳ thời gian, được hiểu là lịch các ngày lễ chính quy định cố định theo lễ tiết.

Thứ hai: Những nghi lễ tuân thủ theo chủ kỳ đời người (sinh, trưởng thành, về già, qua đời) được thực hiện tùy theo mỗi tôn giáo.

Thứ ba: Những nghi lễ riêng của từng tôn giáo, chẳng hạn ngày hoặc tuần ăn chay của Công giáo, tháng Ramadan của người Islam giáo, An cư kiết hạ của Phật giáo,...

Trong phần nội dung nghi lễ Giáo sư đề cập đến một số nội dung như: Kiêng cử; Lễ hội¹⁵.

Phần Tổ chức tôn giáo được Giáo sư luận giải với 3 nội dung, có thể tóm tắt từng phần như sau:

1. Mỗi tôn giáo đều có một cộng đồng, các thành viên có chung một nhu cầu tôn giáo, tất yếu dẫn đến một tổ chức điều hành. Tổ chức tôn giáo là một tập hợp người có thứ bậc nội bộ, theo chức năng, ít hay nhiều dựa vào quyền uy, định ra một tập hợp quy chế và chuẩn mực nội bộ được hợp thức hóa, nhằm duy trì và phát triển giáo lý, tổ chức các nghi lễ, đảm bảo sự sống còn của bản thân tôn giáo¹⁶.

2. Trong những xã hội sơ khai, trước khi giai cấp xuất hiện, tổ chức tôn giáo thường có liên quan đến cộng đồng, thường đan xen quyền chặt với cộng đồng và tổ chức điều hành xã hội¹⁷.

3. Tổ chức tôn giáo cũng rất khác nhau, chặt chẽ và có hệ thống như Công giáo. Tổ chức Phật giáo ngày xưa khá chặt chẽ, chỉ gồm những người xuất gia và chỉ trông nom việc đạo. Ngày nay đã thay đổi, có tổ chức theo thứ bậc từ trên xuống dưới nhưng rất lỏng lẻo. Gần đây phát triển các tổ chức có tính xã hội gắn kết với một tôn giáo.

Có hai ý kiến, một cho rằng, tổ chức tôn giáo nằm trong yếu tố cấu thành một tôn giáo; ý kiến khác chỉ coi tổ chức tôn giáo như một phương tiện, những hình thức quản lý chung của một cộng đồng tôn giáo, những thể chế tuy rất quan trọng, nhưng không phải là một thành tố cấu thành bản chất tôn giáo. Tác giả nghiêng về ý kiến thứ hai¹⁸.

Nội dung cuối của phần *Yếu tố cấu thành một tôn giáo*, Giáo sư dành một số trang viết bàn về *vấn đề mê tín, hủ tục*. Sau khi luận bàn, Giáo sư cho rằng: “Thái độ đối với mê tín cần thận trọng và chỉ có thể giải quyết được vấn đề này trên cơ sở giáo dục. Vì thế để đánh giá hành vi nào là mê tín cần căn cứ vào hậu quả của nó mang lại cho xã hội. Nên chăng thay thế thuật ngữ mê tín dị đoan bằng mê tín hủ tục”¹⁹.

Những yếu tố cấu thành một hình thái tôn giáo về mặt nào đó chính là cách nhìn về *thực thể tôn giáo*. Nếu lý thuyết thực thể tôn giáo nghiên cứu về xã hội học tôn giáo thì yếu tố cấu thành một hình thái tôn giáo là cách tiếp cận tôn giáo học. Ở mỗi yếu tố được tiếp cận nhiều chiều nên rất tỏ tường.

1.4. Diễn biến của những định nghĩa bản chất tôn giáo

Đây thực sự là vấn đề rộng lớn và phức tạp bởi một số quan điểm tiếp cận. Ngay sau khi thành lập Ban khoa học về tôn giáo, Giáo sư đã chọn vấn đề *Bản chất tôn giáo* làm đột phá khẩu. Trải qua thời gian từ Ban lên Trung tâm rồi thành Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Giáo sư luôn đeo đuổi khái niệm này để rồi từ đó mở rộng ra “Diễn biến của những định nghĩa về bản chất tôn giáo”. Đến tác phẩm: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, vấn đề trên về cơ bản tỏ tường. Có thể tóm tắt đóng góp trên phương diện tôn giáo học về diễn biến của những định nghĩa về *Bản chất tôn giáo* của Giáo sư với những luận đề sau đây:

Thứ nhất: Tôn giáo là một sản phẩm xã hội, khi con người đã tổ chức thành xã hội tôn giáo mới xuất hiện. Tôn giáo là một sản phẩm của lịch sử, một sản phẩm của con người, do con người sáng tạo ra và lại bị nó chi phối. Ở luận đề này, Giáo sư có hai trích dẫn, một của L. Phobách và một của C. Mác. Với L. Phobách là đoạn văn trình bày trong cuốn sách nổi tiếng của ông: *Bản chất của đạo Kito* (1841) “Con Người tư duy thế nào, Con Người sắp đặt thế nào thì Chúa của họ cũng như thế. Ý thức về Chúa là ý thức về Con Người rút ra từ bản thân nó. Sự hiểu biết về Chúa là sự hiểu biết về Con Người, và lại từ Con Người, anh hiểu Chúa của nó. Hai là một... Chúa là tuyên ngôn của nội tâm, là cái bản thân biện minh từ Con Người. Tôn giáo là sự khám phá trang trọng nhất của cái giấu trong Con Người, là sự thừa nhận những tư tưởng thân thiết nhất của Con Người, là sự thừa nhận công khai nhất những tình cảm bí mật của Con Người”.

Tiếp theo là trích một đoạn văn của C. Mác. Nhưng trước khi trích, Giáo sư có đôi dòng bình luận về đoạn văn trên của L. Phobách: “Định nghĩa này được C. Mác đồng tình, nhưng Ông cho rằng L. Phobách chỉ nói con người trừu tượng, chung chung chứ không đề cập

đến “Con người lịch sử cụ thể”, chưa thấy được “tinh thần tôn giáo” bản thân nó là sản phẩm xã hội và Con Người trừu tượng mà ông phân tích, trên thực tế bao giờ cũng thuộc về một hình thái xã hội nhất định, một cộng đồng người nhất định. Nên C. Mác nhấn mạnh “Con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là *thế giới con người*, là nhà nước, là xã hội. *Nhà nước ấy, xã hội ấy đã sản sinh ra tôn giáo*”²⁰.

Thứ hai: Giáo sư dẫn luận một loạt các công trình nghiên cứu của E. Tylor, É. Durkheim đến số đông các nhà nghiên cứu tôn giáo châu Âu dù cố gắng vượt lên sức nặng của truyền thống xã hội của bản thân, sức mạnh của thần học Kito giáo, nhưng số đông trong họ vẫn khó bỏ được quan niệm cố hữu về bản chất tôn giáo nhìn từ Kito giáo. Để chứng minh cho nhận định của mình, Giáo sư trích dẫn tư tưởng của một số nhà nghiên cứu, như: A. Réville chỉ gắn tôn giáo vào niềm tin vào thiên tính (có thể hiểu là Chúa). E. Tylor trong tác phẩm nổi tiếng *Văn hóa nguyên thủy*, bác bỏ ý kiến của A. Réville lại đưa ra một định nghĩa hẹp, đề cao niềm tin vào các thực thể tinh thần như một định nghĩa tối thiểu tôn giáo. Giáo sư nhận định: “Định nghĩa của E. Tylor được các học giả cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chấp nhận, mở rộng ra khái niệm siêu nhân hay phi nhân nhưng sự nghiên cứu vẫn chỉ dừng lại với các tôn giáo sơ khai”.

Thứ ba, là việc bàn về tính cặp đôi cái thế tục (profane) và cái thiêng liêng (sacré) mà đại biểu là É. Durkheim. Tiếp theo là quan niệm của H. Hubert, học trò của É. Durkheim, của E. Eliade, của M. Mauss.

Nếu E. Tylor, É. Durkheim... đi vào bản thể tôn giáo thì lại xuất hiện *trường phái chức năng* tìm giá trị của tôn giáo với đại biểu như B. Malinowski.

Từ các luận đề được dẫn ra, Giáo sư đi đến kết luận.

1. Tôn giáo nào cũng phải đụng chạm đến thế giới hiện hữu và thế giới phi hiện hữu.

2. Xã hội phương Đông thiếu sự rạch ròi thế giới thiêng và thế giới tục, chúng là một, lại là hai, mà lại không hẳn là một. Nó vẫn là hai.

Con người có thể sống dường như cùng một lúc trong hai thế giới, nhưng lại tự biết phân biệt hai thế giới hơn ai hết²¹.

2. Đặc trưng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Từ những kết quả nghiên cứu về tộc người, kết quả nghiên cứu về lịch sử tôn giáo ở Việt Nam đặc biệt là kết quả nghiên cứu tình hình, đặc điểm tôn giáo Việt Nam hiện thời, Giáo sư đúc kết, chỉ ra 7 đặc trưng tôn giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Xu thế hòa nhập mà không hợp nhất, mang tính đa phiếm thần.

Khó phân biệt được cái thiêng và cái tục.

Mang đậm tính chất dân tộc, vì dân, vì nước, đặc biệt là đạo thờ Tổ tiên.

Vai trò phụ nữ trong đời sống tôn giáo thể hiện rõ rệt.

Đời sống tôn giáo vận hành theo lối tiểu nông.

Đời sống tôn giáo thay đổi cùng với hoàn cảnh chính trị của đất nước.

Tôn giáo Việt Nam trước, sau vẫn giữ được bản sắc dân tộc.

Đó là cái nhìn toát yếu. Do vậy cần thiết phải đi vào từng đặc trưng cụ thể.

Xu thế hòa nhập mà không hợp nhất, mang tính đa phiếm thần. Phần đặc trưng này được Giáo sư làm sáng tỏ bởi hai nội dung: 1) Các tôn giáo vào Việt Nam luôn tìm ra những nét chung để hòa hợp, hòa đồng. Vì vậy ở Việt Nam không có chiến tranh tôn giáo. Tuy hòa nhập nhưng các tôn giáo luôn giữ được bản sắc. 2) Tính đa phiếm thần được Giáo sư luận bàn về tính khoan dung, độ lượng trong quan hệ đa tôn giáo. Với người Việt Nam vừa có thể là tín đồ của tôn giáo này nhưng lại có thể tham dự nghi lễ tôn giáo khác, các đối tượng thờ cúng của tôn giáo nào cũng được người dân coi trọng.

Khó phân biệt được cái thiêng và cái tục, Giáo sư biện dẫn nhận xét của L. Cadière, rồi mở rộng từ quan niệm thờ tổ tiên của L. Cadière để đi đến nhận xét: “Tôn giáo đồng thời cũng là một lối sống, một thế ứng xử của cuộc đời. Cuộc đời không chỉ dừng lại ở cõi trần, mà bắt nguồn từ cõi hư vô cho đến khi có mặt trong cộng đồng và kéo

dài cả sau khi khuất núi. Trong ý thức của người Việt Nam dường như hiện tại chỉ là một khâu nối dài giữa quá khứ và tương lai”²².

Mang đậm tính dân tộc, vì dân, vì nước, đặc biệt là đạo thờ Tổ tiên. Theo Giáo sư, một số tôn giáo, như: Phật giáo, Đạo giáo,... hầu hết các vị thánh được thờ phải là người có công với nước, với dân. Giáo sư đặt biệt nhấn mạnh đến tuyển thờ theo huyết thống của gia đình, dòng họ. Tiếp theo là tuyển thờ theo lãnh thổ (làng, nước). Vì vậy, rất khó phân biệt theo suy nghĩ người dân, là tưởng niệm hay thờ cúng, là hành vi mang tính thế tục hay tôn giáo.

Vai trò phụ nữ trong đời sống tôn giáo thể hiện rõ rệt. Đó trước hết là nền tảng xã hội Việt Nam với kinh tế trồng lúa nước, phụ nữ có vai trò trực tiếp (cấy, gặt, sàng sảy...), phụ nữ làm nghề thủ công, đặc biệt là buôn bán nhỏ ở chợ làng. Ở đất nước chiến tranh thường xuyên xảy ra, nam giới ra trận, phụ nữ có vai trò rất lớn hậu phương.

Về tâm linh, theo Giáo sư là ý niệm cặp đôi âm dương, về nữ thần sau chuyển thành mẹ/mẫu gắn với các bản thể tự nhiên như ngũ hành hoặc như Thiên, Thủy, Địa sau thêm Rừng trở thành tam phủ, tứ phủ, coi sóc “các vùng” hay “cõi”²³.

Đời sống tôn giáo vận hành theo lối tiểu nông. Người dân đến với tôn giáo chủ yếu là thực hành nghi lễ, hạn chế hiểu biết giáo lý, vận hành theo tập quán. Vẫn theo quan niệm “Mâm cao, cỗ đầy, lễ cúng đất tiên, nghi lễ phô trương lấn át niềm tin trong sáng. Tôn giáo được sử dụng vào mục đích phi tôn giáo, buôn thần, bán thánh”²⁴.

Đời sống tôn giáo thay đổi cùng với hoàn cảnh chính trị của đất nước. Ở mỗi thời kỳ của đất nước, tôn giáo có vai trò, vị trí khác nhau. Để thích nghi, tôn giáo dù ngoại nhập hay nội sinh theo thời gian cũng phải thay đổi để tồn tại và phát triển²⁵.

Tôn giáo Việt Nam trước, sau vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Trong điều kiện toàn cầu hóa, tôn giáo Việt Nam buộc phải hội nhập, song trên nền tảng truyền thống, tôn giáo Việt Nam vẫn có thể chuyển đổi để phù hợp với thời đại, tránh rơi vào những hủ tục cũng như những điều lai tạp. “Tôn giáo còn tồn tại lâu dài, nhưng tôn giáo cũng phải biến đổi theo sự biến đổi của sự phát triển của nền sản xuất, nhằm phù

hợp với một xã hội đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù trước hay sau, tôn giáo Việt Nam cũng phải giữ được bản sắc dân tộc, điều cơ bản cho sự tồn tại của bản thân tôn giáo”.

Bảy đặc trưng của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay được Giáo sư đúc rút, tổng kết từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX. Khi công trình xuất bản và trải qua các lần tái bản đã được đông đảo giới nghiên cứu, bạn đọc đón nhận. Theo tôi được biết, một số bài giảng, thậm chí là giáo trình về tình hình đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam ở một số cơ sở giáo dục đại học và sau đại học đều kế thừa.

Trải qua thời gian hơn 20 năm dù đời sống chính trị - văn hóa - xã hội ở Việt Nam có nhiều biến đổi, kéo theo đó là sự biến động của các tôn giáo nhưng theo tôi bảy đặc trưng của tôn giáo ở Việt Nam mà Giáo sư đúc kết vẫn giữ nguyên giá trị.

Theo tôi, cần thiết trích dẫn đoạn văn cuối sau khi Giáo sư dẫn luận 7 đặc trưng tôn giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. “Ở đây, nảy sinh ra ba khuynh hướng cần tránh. *Một là*, mặc cảm phủ nhận tất cả những gì tốt đẹp trong truyền thống tôn giáo của bản thân, gửi đức tin vào một thứ tôn giáo xa lạ, lai căng của một thế giới “lộn ngược” (thuật ngữ của C. Mác). *Hai là* rơi vào một cực đoan, khư khư giữ lại các hủ lậu của “truyền thống”, mà V. I. Lênin coi như một sức ỳ để lạc lõng trước thời cuộc. *Ba là* vội vàng thiếu suy nghĩ rơi vào một trong những “hiện tượng tôn giáo mới”, con đẻ của thời kỳ khủng hoảng đạo đức của thế giới hiện nay”²⁶.

3. Đạo thờ Tổ

3.1. Một tiến trình nhận thức

Được biết để có việc khởi xướng coi thờ cúng tổ tiên là một tôn giáo/Đạo là một tiến trình nhận thức, tư duy của Giáo sư. Là nhà dân tộc học chuyên về tộc người, từ rất sớm Giáo sư đã nghiên cứu về dòng họ, gia đình của một số tộc người ở Tây Bắc, Trường Sơn, Tây Nguyên, về dòng họ của người Việt, về cố kết cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bài viết “*Huyền thoại về nạn hồng thủy và nguồn gốc các tộc người*”²⁷. Ở công trình này Giáo sư đưa ra sơ đồ của một số huyền thoại. Lũ lụt → nam + nữ → tộc người với quan hệ cặp đôi để phản

ánh các tộc người đều bắt đầu từ một cha, một mẹ. Đặc biệt, Giáo sư dẫn luận về truyền thuyết *Quả bầu*. “Quả bầu từ mũi trâu chui ra, hay quả bầu được chọn làm phương tiện cứu cặp đôi thủy tổ loài người hay tộc người sau này cũng là quả bầu thiêng, là tinh linh của bầu. Quả bầu ở đây làm nhiệm vụ cứu cặp đôi đầu tiên sinh ra các tộc người”²⁸. Với người Kinh (Việt) lại là truyền thuyết Âu Cơ và Lạc Long Quân sinh ra cái bọc 100 quả trứng nở thành 100 người con để lý giải các tộc người dân tộc Việt cùng chung một bọc/bào để trở thành *Đồng bào*, cũng có nghĩa là cùng chung một tổ.

Năm 1995, Viện Nghiên cứu Tôn giáo lúc đó thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia cho xuất bản cuốn: *Hồ Chí Minh về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo*, Nxb. khoa học xã hội, 1995 (sách được in lần thứ hai năm 1998). Trong *Lời tựa* nhân dịp xuất bản lần thứ hai, Giáo sư nhắc đến quan điểm của Hồ Chí Minh: “Người An Nam không có linh mục, không có tôn giáo theo cách nghĩ của Châu Âu”. Tiếp theo, Giáo sư sau khi trích dẫn ý kiến của linh mục L. Cadière, nêu quan niệm tôn giáo như phương Tây Kito giáo “thì ta phải nói người Việt Nam, không có tôn giáo. Khái niệm Đáng Tội cao tuốt khỏi họ, họ sống không có Chúa” để đi đến kết luận “ông linh mục cũng đề cao đạo thờ Tổ tiên và coi đó là tôn giáo phổ biến và thân thiết nhất của người Việt Nam” (sách trên, tr. 8). Cũng sách trên trong *Lời tựa* của lần xuất bản thứ nhất, Giáo sư đã bắt đầu bàn đến *Đạo thờ tổ tiên* qua nhận xét của Thủ tướng Phạm Văn Đồng: “Từ xa xưa dân tộc Việt Nam ta không có tôn giáo theo nghĩa thông thường của nhiều nước khác”. Và vì vậy, Hồ Chí Minh là người Việt Nam hiểu rất rõ văn hóa Việt Nam, mà ở đó, một trong những yếu tố quan trọng là đạo thờ Tổ tiên, mối liên kết thiêng liêng của cộng đồng” (sách trên, tr. 16).

Như vậy, đầu những năm 1990, với nhãn quan và tư duy sắc bén, Giáo sư đã nhận ra một hình thức tôn giáo mang tính dân tộc được gọi là Đạo thờ Tổ tiên/Đạo Tổ tiên/Đạo thờ Tổ.

Đạo Tổ tiên được Giáo sư xếp vào *Hệ thống tôn giáo dân tộc*. Thuật ngữ này được Giáo sư truyền tải trong bài viết: *Một số vấn đề lý luận và thực trạng tôn giáo ở Việt Nam*²⁹. Trong bài viết, Giáo sư chia hệ thống tôn giáo dân tộc thành 3 cấp: a) thờ Trời; b) thờ thần địa

phương hay thần thành hoàng, thần bản, thần làng - thần bản mệnh của cộng đồng; c) thờ những người cùng huyết thống³⁰. Qua nghiên cứu về tộc người, kết luận của Giáo sư: “Đạo được hầu hết người Việt Nam dù thuộc tộc người nào đều thực hiện. Có điều sự thể hiện ở miền núi có khác miền xuôi... Đạo thờ cúng tổ tiên hầu như được người Việt Nam bất kể tôn giáo nào cũng đều thực hiện”³¹.

Trong bài viết *Hệ thống tôn giáo dân tộc*, một lần nữa Giáo sư trích dẫn bài viết của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, rồi sau đó tiếp ý: “Còn nói tôn giáo là thờ cúng, thì mỗi người thờ cúng ông bà, mỗi họ đều thờ cúng tổ tiên, làng thì thờ thành hoàng làng và các bậc anh hùng cứu nước, các tổ phụ các nghề, các danh nhân văn hóa. Từ góc độ văn hóa, tôi thấy đây là một đặc trưng đáng trọng của con người Việt Nam, ở chỗ nó tưởng nhớ những người có công trạng trong việc tạo lập cuộc sống ngày nay của mọi gia đình, làng xóm”. Tôi nói thêm, đất nước có ngày giỗ tổ Hùng Vương, tức thờ người có công dựng nước như Hồ Chí Minh đã nói³².

Trong tác phẩm: *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* ở một đôi chỗ, Giáo sư bàn tiếp về đạo thờ Tổ tiên tuy không thành một mục riêng biệt³³.

3.2. Nội hàm của Đạo Thờ Tổ

Đó là tên bài viết cũng là công trình nghiên cứu chuyên sâu được Giáo sư cho in trong cuốn: *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo* (2001) từ tr. 886 - tr. 913. Ở công trình nghiên cứu này, Giáo sư không đặt Thờ cúng Tổ tiên trong *Hệ thống tôn giáo dân tộc* mà đồng nhất với Hệ thống tôn giáo dân tộc. “Hệ thống tôn giáo dân tộc là thờ cúng tổ tiên. Đạo thờ cúng tổ tiên được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ thờ những người có công sinh dưỡng đã khuất, là những người có cùng huyết thống, mà là thờ cả những người có công với cộng đồng làng xã, đất nước. Đạo thờ cúng tổ tiên chiếm một vị trí đặc biệt, gắn liền mối quan hệ gia đình - làng xóm - đất nước, giữa quá khứ, hiện tại và tương lai”³⁴.

Ở một đoạn khác, Giáo sư viết: “Trong tâm thức người Việt Nam, thật khó tách gia đình, làng xóm và tổ quốc. Con người có một bận tâm và chỉ một mà thôi: đất nước còn, quê hương mới còn, gia đình,

bản thân mới còn. Do vậy, suy cho cùng hiểu thờ cúng tổ tiên theo nghĩa rộng là điều phù hợp với thực tế”³⁵.

Theo Giáo sư, *việc mở rộng* đạo thờ cúng tổ tiên gồm các cấp Tổ như sau:

Tổ nước: thờ Hùng Vương.

Tổ làng: thờ thần làng/thần thành hoàng làng.

Tổ họ tộc theo quan hệ huyết thống.

Ở mỗi “cấp Tổ” là những cộng đồng: Nước - Làng - họ tộc, là ý thức, nghi thức thờ cúng, đặc biệt là tâm thức, vai trò khác nhau.

Với Tổ Nước - Hùng Vương dựng nước là có kết cộng đồng các dân tộc Việt Nam theo một tâm thức *Đồng bào* cùng sinh ra từ một bọc, cùng chung một giống nòi. Với “Tổ Làng” việc thờ thần làng với chức năng bảo vệ và phát triển cộng đồng... là sợi dây liên kết mang tính thiêng liêng với các thành viên trong đơn vị xã hội cơ sở: Làng, bản...³⁶.

Thờ cúng tổ họ tộc được Giáo sư gọi là thờ cúng tổ tiên theo nghĩa hẹp³⁷. Là chuyên gia nghiên cứu về tộc người, trên quan điểm thờ cúng tổ tiên theo nghĩa hẹp, Giáo sư trích dẫn nhiều tư liệu về hình thức này ở các tộc người khu vực Tây Bắc, khu vực Trường Sơn, và khu vực Tây Nguyên. Đồng thời Giáo sư cũng đặt nó trong tiến trình phát triển của xã hội. Đó là một cách nhìn hết sức biện chứng. Kết thúc bài viết *Đạo thờ cúng tổ tiên*, Giáo sư rút ra ba kết luận sau đây:

1) Đạo Tổ tiên theo nghĩa rộng thể hiện ở ba cấp độ: *quốc gia*: thờ Vua Hùng; *Làng*: thờ thần thành hoàng, hay bản làng; *dòng họ, gia đình*: thờ Tổ tiên. Đạo tổ tiên cũng có thể coi là đạo thờ thần bản mệnh, thần bảo vệ đất nước, quê hương, gia tộc.

2) Đạo Tổ tiên cần được các nhà văn hóa coi trọng, thay đổi lễ thức, nhất là các yếu tố lỗi thời, đáp ứng yêu cầu hiện đại.

3) Cần nghiên cứu sâu sắc hơn đạo tổ tiên, nâng đạo tổ tiên lên thành một triết lý, một đạo đức, một bản sắc dân tộc.

Được biết về sau Giáo sư thay vì gọi là Đạo thờ cúng tổ tiên hay Đạo tổ tiên đã rút gọn lại là ĐẠO THỜ TỔ. Về ba cấp tổ, ở cấp thứ

ba, Giáo sư tách ra thành hai: Tổ dòng họ và Tổ gia đình. Và như vậy sẽ thành bốn “cấp tổ”: Nhưng tiếc thay Giáo sư mới chỉ đề cập ý tưởng trên trong một số lần phát biểu tại các diễn đàn khoa học và chưa kịp thể hiện bằng văn viết.

Có thể nói những năm cuối đời, Giáo sư luôn đau đầu về *Đạo Tổ Tiên*. Ở một số diễn đàn khoa học, hề có dịp, Giáo sư lại nêu quan điểm của mình. Hiện vẫn còn một số ý kiến cho rằng Thờ cúng tổ tiên chỉ là một loại hình tín ngưỡng, chưa đủ tiêu chí để có thể gọi là *Đạo* theo nghĩa là một tôn giáo. Mặc dù vậy, lý luận mà Giáo sư đưa ra đã và đang nhận được sự đồng tình của giới khoa học, cũng như giới quản lý.

Năm 1995, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương được Ban Bí thư ghi trong thông báo là ngày lễ lớn trong năm. Ngành Văn hóa - Thông tin - Thể thao phối hợp với các ngành chức năng đã tổ chức lễ hội trong thời gian 10 ngày (từ 01/3 đến 10/3 âm lịch).

Hiện chưa có một văn bản chính thức nào của Nhà nước Việt Nam công nhận Thờ cúng Tổ tiên là một đạo (tôn giáo) song Ban Bí thư, Chính phủ và Quốc hội đều đã có văn bản xác định ngày 10/3 âm lịch - Giỗ tổ Hùng Vương là Quốc giỗ.

Tại Nghị định số 82/2001/NĐ-CP ngày 06/11/2001 về Nghi lễ Nhà nước có nội dung quy định cụ thể về quy mô tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương theo năm chẵn, năm lẻ. Ngày 02/4/2007, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn sửa đổi bổ sung Điều 73 của Bộ Luật Lao động cho người lao động được nghỉ lao động, hưởng nguyên lương, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Kể từ đây, ngày 10/3 âm lịch hàng năm trở thành ngày lễ lớn – QUỐC LỄ³⁸.

Hàng năm theo thông lệ, vào dịp Giỗ Tổ Hùng Vương, con dân Việt Nam thuộc về tộc người nào, về tôn giáo nào, ở trong nước hay đang sinh sống ở nước ngoài đều hướng về Đền Hùng (Phú Thọ) trở về với một tâm thức cùng chung căn cội. Trong buổi gặp mặt biểu dương chức sắc, chức việc tôn giáo có đóng góp tiêu biểu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc diễn ra ở Đà Nẵng sáng ngày 09/8/2019, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu “Ở Việt Nam chúng ta có 43 tổ chức tôn giáo được pháp luật công nhận, nhưng bàn thờ Tổ quốc chỉ có một”³⁹.

Thay lời kết

Ngày 10 tháng 10 năm 2016, Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn qua đời sau một thời gian thọ bệnh, hưởng thọ 86 tuổi để lại sự tiếc thương của gia đình, đồng nghiệp, bạn bè và học trò.

Người viết bài báo này từng là học trò của Giáo sư khi là sinh viên khoa Lịch sử (khóa 21) Đại học Tổng hợp (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội). Giáo sư cũng là người hướng dẫn tôi thực hiện luận án Phó tiến sĩ. Ngay khi thành lập *Ban Khoa học và Tôn giáo* ít tháng, tôi được Giáo sư mời về công tác tại Ban. Kể từ đó, tôi là một trong những người gần gũi Giáo sư nhất trong các chuyến đi nghiên cứu điền dã, các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Nhờ đó tôi học hỏi được ở Giáo sư rất nhiều điều, nhất là tác phong nghiên cứu khoa học, đạo đức khoa học của người nghiên cứu để từng bước trưởng thành và kế tục công việc lãnh đạo Viện Nghiên cứu Tôn giáo mà Giáo sư là Viện trưởng tiên khởi.

Di sản Tôn giáo học mà Giáo sư để lại là đồ sộ. Mỗi công trình, mỗi mục, thậm chí là từng ý đều được Giáo sư cẩn trọng, dồn nén vào đó tâm - tuệ. Trong số những di sản đó có ba nội dung mà bài viết đề cập. Ba nội dung đó cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị hiện thời.

Bài viết được hoàn thành nhân dịp 5 năm ngày mất của Giáo sư Đặng Nghiêm Vạn, cũng là dịp Viện Nghiên cứu Tôn giáo tròn 30 năm hình thành và phát triển. Bài viết thay lời tri ân của tác giả, cũng như các thế hệ học trò đối với Thầy, cũng là người Viện trưởng đầu tiên của Viện Nghiên cứu Tôn giáo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1993), *Về tín ngưỡng tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 12.
- 2 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 37.
- 3 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Sdd, tr. 10.
- 4 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 7.
- 5 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 38, 39.

- 6 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 23-26.
- 7 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 54.
- 8 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 165.
- 9 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 165-166.
- 10 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 83.
- 11 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 84-85.
- 12 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 85.
- 13 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 89.
- 14 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 97-99.
- 15 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 117-148.
- 16 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 149.
- 17 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 153.
- 18 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 157-159.
- 19 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 164.
- 20 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 57-58.
- 21 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 78-89.
- 22 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 359-360.
- 23 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 362-366.
- 24 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 366-368.
- 25 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 368-370.

- 26 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Sđd, tr. 371-372.
- 27 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 796-831.
- 28 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Sđd, tr. 796, 809.
- 29 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 11-160.
- 30 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), tr. 89-93
- 31 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), tr. 94-95.
- 32 Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), tr. 97.
- 33 Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 261.
- 34 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 889.
- 35 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Sđd, tr. 890.
- 36 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Sđd, tr. 889-899.
- 37 Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Sđd, tr. 906.
- 38 *Lịch sử, ý nghĩa ngày Giỗ Tổ Hùng Vương*, Công TTĐT tỉnh Hà Tĩnh. [https://hatinhgov.lichsuynghe....](https://hatinhgov.lichsuynghe...) truy cập ngày 15/7/2001.
- 39 *Thủ tướng: 43 tổ chức tôn giáo chung một bàn thờ Tổ quốc*, <https://tuoitre.vn/thu-tuong-43-1>. Truy cập ngày 15/7/2021.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1993), *Về tín ngưỡng tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1996), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay* (tái bản), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Đặng Nghiêm Vạn (2013), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Abstract**RELIGION IN DANG NGHIEM VAN' S SOME WORKS****Nguyen Hong Duong***The Former Director of Institute for Religious Studies, VASS*

Professor Dang Nghiem Van (1930 - 2016) had great contributions to Ethnology and Religious studies. These two fields of research are clearly reflected in two typical works such as *The ethnic Community of Vietnam (Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam)*, National University of Ho Chi Minh City Publishing House, in 2003 and *Theory of religion and the religious situation in Vietnam (Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam)* published for four times in 2001, 2005, 2007, 2012. In the field of religious studies, in addition to the aforementioned work, Professor Dang also was an author, co-author of many books and articles on Religious Studies Review and other journals. On the occasion of the 30th anniversary of the establishment of the Institute of Religious Studies, this article initially mentioned three dimensions of his studies such as the definition of religion; Religious characteristics in Vietnam; Ancestor worship.

Keywords: Dang Nghiem Van; religion; Vietnam.